TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỘI AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31- 3 - 2023
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhạn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Huỳnh Thị Kim Oanh.
2. Ông Lê Tấn Hoành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Thị Thu Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An tham gia phiên tòa***: bà Phùng Thị Bông - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại: Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hội An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2022/TL.ST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21.02.2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST- HNGĐ ngày 17.3.2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T**,** sinh năm: 1982.
Địa chỉ: đường C, thành phố H, tỉnh Q. Có mặt.

Bị đơn: Ông Trương Văn C, sinh năm 1972.
Địa chỉ: thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30.8.2022, tại các phiên làm việc và tại phiên toà hôm nay, bà Trần Thị Thanh T trình bày: bà và ông Trương Văn C cưới nhau và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Q vào năm 2002. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do chồng cờ bạc, đánh vợ, gia đình đã khuyên nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Hiện nay cả hai đã không còn chung sống với nhau, bản thân cũng không còn tình cảm với chồng. Bà T đề nghị Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với chồng là ông Trương Văn C để cả hai ổn định cuộc sống. Về con chung: có 02 con chung: Trương Thái Bình Y, sinh ngày 03/5/2003 và Trương Văn Bình A, sinh ngày 29/7/2006. Hiện nay Trương Thái Bình Y đã

trưởng thành; Trương Văn Bình A hiện đang ở với bà, sau khi ly hôn bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết.

- Tại bản trình bày và phiên hòa giải tại tòa ông Trương Văn C trình bày: Vợ chồng ông đăng ký kết hôn vào năm 2002 và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố H. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Cuộc sống chung vợ chồng đôi khi cũng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn của vợ chồng cũng có một phần lỗi của vợ. Hiện nay vợ ông đề nghị ly hôn ông không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với vợ và các con còn chưa ổn định cuộc sống của mình. Về con chung có 02 con chung: Trương Thái Bình Y, sinh ngày 03/5/2003 và Trương Văn Bình A, sinh ngày 29/7/2006. Ông không đồng ý ly hôn nên chưa có ý kiến về việc này.

Về tài sản chung: không có ý kiến.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Thư ký chấp hành đúng các quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Bị đơn ông C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: nhận thấy việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện bà T. Về con chung giao cháu Trương Văn Bình A, sinh ngày 29/7/2006 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng ông C không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Trần Công C có nơi cư trú tại xã C, thành phố H, tỉnh Q nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Q theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tham gia phiên tòa nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T và ông Trương Văn C kết hôn vào năm 2002 đăng ký kết hôn Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Q trên tinh thần tự nguyện, nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Ông C thường xuyên cờ bạc và có hành vi bạo lực đối với bà T. Bà T, ông C không còn sống chung với nhau từ tháng 8 năm 2022 đến nay; Xét thấy bà Trần Thị Thanh T và ông Trương Văn C hiện đã không còn chung sống với nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tình cảm không còn, bà Thúy yêu cầu giải quyết ly hôn, ông C không đồng ý ly hôn nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải thì ông C cố tình trốn tránh không tham gia các phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Trần Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn C là có căn cứ. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Bà T, ông C có 02 con chung tên Trương Thái Bình Y, sinh ngày 03/5/2003; Trương Văn Bình A, sinh ngày 29/7/2006; Trương Thái Bình Y đã trưởng thành; Trương Văn Bình A hiện đang sống với mẹ; bà T có nguyện vọng nuôi cháu A và cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo về việc chăm sóc các cháu và sự ổn định nên giao cháu A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết tại Tòa bà T yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà T rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: bà T và ông C không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51, Điều 56, 58 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a, khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Thanh T được ly hôn ông Trương Văn C.

2. Về con chung: có 02 con;

- Trương Thái Bình Y, sinh ngày 03/5/2003 đã trưởng thành.
- Trương Văn Bình A, sinh ngày 29/7/2006.

Giao cháu Trương Văn Bình A cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Ông Trương Văn C không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Trần Thị Thanh T phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007343 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H. Bà T đã nộp đủ án phí.

Bà Trần Thị Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/3/2023). Ông Trương Văn C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Nhạn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- Chi cục THADS thành phố Hội An;
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.